

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 4/2018
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ
PHƯƠNG ANH**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		444,006,136,678	290,897,498,891
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5,873,992,031	352,440,803
1. Tiền	111		5,873,992,031	352,440,803
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		295,254,482,280	166,585,732,309
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	269,423,259,961	130,749,174,730
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27,638,899,943	3,020,489,001
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	500,758,333	1,600,758,333
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	734,944,323	32,832,197,484
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(3,043,380,280)	(1,616,887,239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-
IV. Hàng tồn kho	140		141,250,840,515	122,742,561,097
1. Hàng tồn kho	141	V.8	141,250,840,515	122,742,561,097
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,626,821,852	1,216,764,682
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	139,220,684	163,488,497
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,487,601,168	1,053,276,185
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		118,330,218,273	145,522,904,959
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		307,004	256,885,631
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	307,004	256,885,631
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-
II. Tài sản cố định	220		53,500,853,618	62,327,345,937
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	53,500,853,618	62,327,345,937
<i>Nguyên giá</i>	222		97,759,640,978	97,759,640,978
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44,258,787,360)	(35,432,295,041)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225			-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228			-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229			-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	56,654,844,987	61,117,899,987
<i>Nguyên giá</i>	231		56,654,844,987	61,117,899,987
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	7,634,550,835	584,331,504
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7,634,550,835	584,331,504
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	20,160,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	-	20,160,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		539,661,829	1,076,441,900
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	539,661,829	1,076,441,900
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			-
4. Tài sản dài hạn khác	268			-
5. Lợi thế thương mại	269			-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		562,336,354,951	436,420,403,850

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		241,047,271,019	134,261,044,704
I. Nợ ngắn hạn	310		241,047,271,019	134,261,044,704
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	94,990,389,585	3,760,756,755
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	983,430,817	310,746,775
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5,298,353,558	4,839,972,682
4. Phải trả người lao động	314		(24,682,879)	369,369,319
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	160,134,757	201,664,609
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	6,812,818,795	82,758,426
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	132,826,826,386	124,695,776,138
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			-
13. Quỹ bình ổn giá	323			-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331			-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			-
7. Phải trả dài hạn khác	337			-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b		-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

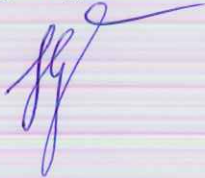
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		321,289,083,932	302,159,359,146
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	321,289,083,932	302,159,359,146
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		255,000,000,000	255,000,000,000

-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	255,000,000,000	255,000,000,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	66,289,083,932	47,159,359,146
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	47,159,359,146	29,017,811,000
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19,129,724,786	18,141,548,146
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-
1.	Nguồn kinh phí	431		-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	562,336,354,951	436,420,403,850

Lập, ngày 30 tháng 1 năm 2019

Người lập biểu



Đào Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Nga

Tổng Giám đốc



Trần Hữu Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4/ 2018

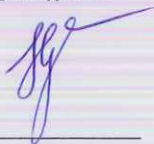
Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ			
			Quý 4/2018	Quý 4/2017	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	335,832,072,113	255,198,381,177	987,455,075,300	813,270,845,128
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	339,593,500	70,260,857	458,175,080	75,551,131
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		335,492,478,613	255,128,120,320	986,996,900,220	813,195,293,997
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	318,094,388,522	244,247,182,227	949,720,333,261	778,878,086,033
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17,398,090,091	10,880,938,093	37,276,566,959	34,317,207,964
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1,842,814,633	723,592,094	2,085,366,046	5,095,375,517
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2,636,513,582	3,269,316,384	12,325,114,369	7,955,233,111
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,517,968,132	3,007,181,782	12,011,201,541	7,497,027,636
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	455,897,342	530,983,842	1,962,306,738	1,886,241,532
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1,445,893,843	1,295,648,361	7,123,205,310	5,515,838,847
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14,702,599,957	6,508,581,600	17,951,306,588	24,055,269,991
11. Thu nhập khác	31	VI.8		(219,177)	8,874,134,678	21,785,687
12. Chi phí khác	32	VI.9	87,550,163	(244,668,451)	5,551,748,963	914,880,358
13. Lợi nhuận khác	40		(87,550,163)	244,449,274	3,322,385,715	(893,094,671)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,615,049,794	6,753,030,874	21,273,692,303	23,162,175,320
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15		1,518,008,687	2,143,967,526	5,020,627,174
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14,615,049,794	5,235,022,187	19,129,724,777	18,141,548,146
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	573	205	750	711
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	573	205	750	711

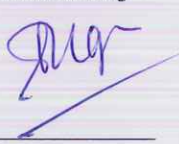
Lập, ngày 30 tháng 1 năm 2019

Người lập biểu



Đào Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Nga



Trần Hữu Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ

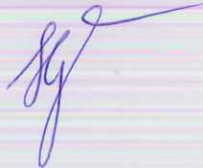
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19,129,724,777	23,162,175,320
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	4,388,881,634	7,294,671,660
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(1,425,374,913)	290,007,485
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V.4		(2,367,239)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(4,817,441,221)
- Chi phí lãi vay	06	IV.5	12,011,201,541	7,497,027,636
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		34,104,433,039	33,424,073,641
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(68,944,457,166)	64,436,172,324
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(88,105,755)	(33,433,116,371)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		61,892,881,761	(78,225,171,192)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		132,979,502	(393,786,591)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12,011,201,541)	(7,295,363,027)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(1,638,315,460)	(7,321,155,325)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(87,550,163)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13,360,664,217	(28,808,346,541)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7,634,550,835)	39,937,767,988
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			80,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4,300,758,333)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			750,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(14,200,000,000)	(16,800,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5,864,387,588	7,058,868,702
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(15,970,163,247)</i>	<i>(53,149,657,619)</i>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

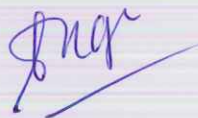
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	318,938,050,610	314,567,991,677
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(310,807,000,352)	(234,073,941,767)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>8,131,050,258</i>	<i>80,494,049,910</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5,521,551,228	(1,463,954,250)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	352,440,803	1,816,152,173
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			242,880
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5,873,992,031	352,440,803

Người lập biểu



Đào Thị Thu Hường

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Nga

Lập, ngày 30 tháng 1 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Hữu Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn các loại sắt thép.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 35 nhân viên đang làm việc

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển,

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	28.501.576	16.297.318
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.845.490.455	336.143.485
Cộng	<u>5.873.992.031</u>	<u>352.440.803</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	269.423.259.961	130.749.174.730
Công ty Cổ phần Quốc tế Nam Minh Anh	53.506.224.412	23.420.308.132
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng hạ tầng thủ đô	24.399.605.965	
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á	47.612.014.149	42.585.206.970
Công ty cổ phần KPT Việt Nam	16.952.645.314	
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Vina	25.710.234.667	46.999.673.962
ASIAN IMPEX LTD	62.729.079.668	
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	13.681.126.009	
Các khách hàng khác	24.832.329.777	17.011.630.666
Cộng	<u>269.423.259.961</u>	<u>130.749.174.730</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	27.638.899.943	3.020.489.001
Công ty TNHH IPS Engineering	1.660.500.000	1.050.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng & Thương mại An Toàn Đại Nam	504.310.000	504.310.000
Công ty Cổ phần Nội thất Catalia		800.000.000
WUXI AOXIANG METAL PRODUCTS CO., LTD		400.136.000
ASIAN IMPEX	4.950.214.830	
Công ty cổ phần Phalco Việt Nam	17.846.640.866	
Các nhà cung cấp khác	2.677.234.247	265.543.001
Cộng	27.638.899.943	3.020.489.001

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	500.758.333	1.600.758.333
Ông Phan Kim Thế Vũ		1.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn Văn Tiến	200.000.000	200.000.000
Ông Phan Văn Long	150.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy		100.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Mạnh	50.758.333	50.758.333
Cộng	500.758.333	1.600.758.333

Các khoản cho vay cá nhân với lãi suất 13%/năm, thời hạn vay 1 năm.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	735.251.327	32.832.197.484
Lãi cho vay và hợp tác kinh doanh		488.977.213
Phải thu về hợp tác kinh doanh		23.064.105.642
Bà Nguyễn Hồng Vân ⁽ⁱ⁾		5.001.100.000
Ông Trần Duy Cường ⁽ⁱⁱ⁾		11.465.505.642
Ông Nguyễn Văn Thương ⁽ⁱⁱⁱ⁾		
Ông Nguyễn Ngọc Long ^(iv)		6.597.500.000
Ông Ninh Văn Sỹ		8.384.052.593
Tạm ứng		7.878.352.593
Ông Vũ Văn Hà	475.322.276	
Các cá nhân khác	259.620.257	505.700.000
Ký quỹ LC	307.004	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.790	895.062.036
Cộng	735.251.327	32.832.197.484

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các bên liên quan</i>				
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.675.511.872		1.673.665.967
Công ty Cổ phần TSC Hà Nội (Phải thu tiền hàng)	Trên 3 năm	519.868.800	Trên 3 năm	519.868.800
Công ty TNHH Thương mại và Kim khí Minh Hiếu (Phải thu tiền hàng)	Trên 3 năm	460.224.740	Trên 3 năm	460.224.740
Công ty Cổ phần Vật liệu hàn Thiện Phúc (Phải thu tiền hàng)	Từ 2 đến 3 năm	189.262.427	Từ 2 đến 3 năm	189.262.427
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại An Toàn Đại Nam (Ứng trước tiền hàng)	Trên 3 năm	504.310.000	Trên 3 năm	504.310.000
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Công nghiệp TMT Việt Nam (Phải thu tiền hàng)	Từ 1 đến 2 năm	870.026		435.013
Công ty TNHH Ngân Hạnh (Phải thu tiền hàng)	Từ 2 đến 3 năm	975.879		683.115
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Lâm Quan Thanh - Phải thu tiền hàng	Từ 2 đến 3 năm	421.548.384		295.083.869
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thép Đại Thành Phát Sài Gòn - Phải thu tiền hàng	Từ 1 đến 2 năm	2.260.582.089		1.130.291.044
Cộng		4.357.642.345		3.100.159.008

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.616.887.239	1.326.879.754
Trích lập dự phòng bổ sung	1.426.493.041	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	3.043.380.280	1.326.879.754

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.330.213.228	1.069.796.371
Công cụ, dụng cụ	418.026.362	426.179.089
Thành phẩm	684.685.715	789.933.538

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa	138.817.915.210	120.456.652.099
Cộng	<u>141.250.840.515</u>	<u>122.742.561.097</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	78.202.294	151.423.497
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	30.000.000	
Chi phí bảo hiểm	11.543.636	10.665.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.474.754	1.400.000
Cộng	<u>139.220.684</u>	<u>163.488.497</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	539.661.829	913.320.118
Chi phí sửa chữa		9.333.342
Chi phí bảo hiểm		60.964.333
Các chi phí trả trước dài hạn khác		92.824.107
Cộng	<u>539.661.829</u>	<u>1.076.441.900</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	33.503.629.647	55.198.531.442	8.706.753.636	293.308.980	57.417.273	97.759.640.978
Mua trong kỳ						
Số cuối kỳ	33.503.629.647	55.198.531.442	8.706.753.636	293.308.980	57.417.273	97.759.640.978
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	94.835.000	593.856.768	396.500.000	293.308.980	57.417.273	1.435.918.021
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.109.516.277	22.304.134.625	2.667.917.886	293.308.980	57.417.273	35.432.295.041
Khấu hao	1.733.122.349	5.844.156.463	1.249.213.507			8.826.492.319
Số cuối kỳ	11.842.638.626	28.148.291.088	3.917.131.393	293.308.980	57.417.273	44.258.787.360
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	23.394.113.370	32.894.396.817	6.038.835.750			62.327.345.937
Số cuối kỳ	21.660.991.021	27.050.240.354	4.789.622.243			53.500.853.618
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 19.108.686.110 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội..

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (là Quyền sử dụng đất)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Quyền sử dụng đất thừa số 99 tại Đà Nẵng, diện tích 2.002,9 m ²	25.073.061.987	25.073.061.987
Quyền sử dụng đất lô BA645774 thừa đất số 18 tại Đà Nẵng, diện tích 1.052,2 m ²	31.581.783.000	31.581.783.000
Cộng	<u>56.654.844.987</u>	<u>56.654.844.987</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá các bất động sản đầu tư hiện không bị suy giảm giá trị so với giá thị trường.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	16.818.182	24.133.360	171.558.955
Xây dựng cơ bản dở dang	567.513.322	6.985.176.880	7.462.991.880
Công trình XD nhà máy PA giai đoạn 2		7.462.991.880	7.462.991.880
<i>Công trình Nhà hàng tại Đà Nẵng</i>	<i>567.513.322</i>	<i>(567.513.322)</i>	
Cộng	<u>584.331.504</u>	<u>7.009.310.240</u>	<u>7.634.550.835</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	94.990.389.585	3.760.756.755
Công ty Cổ phần TECGROUP	1.911.238.534	
Công ty Cổ phần Cầu trục và Thiết bị AVC		1.060.929.100
Công ty TNHH Logistics TNA Việt Nam	421.690.212	451.690.212
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Toàn Thuận	427.836.371	427.836.371
Công ty Cổ phần China Steel Sumikin Việt Nam	11.560.996.823	-
Công ty CP Entenco Việt Nam	15.681.560.495	-
Global Posco CO.,LTD	45.988.755.203	
Công ty TNHH Marubeni - Itochu Steel Việt Nam	16.454.372.867	
Các nhà cung cấp khác	2.543.939.080	1.820.301.072
Cộng	<u>94.990.389.585</u>	<u>3.760.756.755</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	983.430.817	310.746.775
Công ty Cổ phần Hùng Sơn	100.051.476	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vạn Xuân	105.225.021	-
Công ty CP nội thất Thủy Việt Nam	123.490.033	-
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Điều Hòa Sao Việt	96.295.684	-
Công ty TNHH vật tư công nghiệp Hà Minh	108.908.800	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Cơ khí Huy Anh	96.837.473	96.837.473
Các khách hàng khác	352.622.330	95.825.965
Cộng	983.430.817	310.746.775

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		2.414.526.567	(2.419.412.434)	(4.885.867)
Thuế xuất, nhập khẩu		587.747.590	(619.917.152)	(32.169.562)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.839.972.682	2.235.157.548	(1.729.505.482)	5.345.624.748
Tiền thuê đất		159.516.000	(169.731.761)	(10.215.761)
Các loại thuế khác		5.000.000	(5.000.000)	
Cộng	4.839.972.682	5.401.947.705	(4.943.566.829)	5.298.353.558

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Bán hàng hóa, dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 22.788 m² đất đang sử dụng theo hợp đồng thuê đất số 78/HĐ-TĐ ngày 30 tháng 7 năm 2012 với UBND tỉnh Hưng Yên.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	160.134.757	82.758.426
Kinh phí công đoàn	10.301.736	4.728.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	68.809.037	55.558.264
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	81.023.984	22.471.788
Cộng	<u>160.134.757</u>	<u>82.758.426</u>

17. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	132.826.826.386	124.695.776.138
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱ⁾	67.804.262.569	88.871.958.140
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	65.022.563.817	35.823.817.998
Vay ngắn hạn các cá nhân		
Vay ông Vũ Văn Hà ⁽ⁱⁱⁱ⁾		
Cộng	<u>132.826.826.386</u>	<u>124.695.776.138</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD100201727 ngày 9 tháng 8 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động cho quá trình sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 1 năm từ ngày 9 tháng 8 năm 2017. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm nhận giải ngân theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ được ghi trên từng giấy nhận nợ và cố định suốt thời gian nhận nợ đối với từng lần nhận nợ, trả lãi vay vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng thửa đất số 99, tờ bản đồ số 61, địa chỉ tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 992090 do UBND TP.Đà Nẵng cấp cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Thăng Long, đã chuyển nhượng cho Công ty CP Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 009442.CN.509 ngày 29/7/2016; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 07 địa chỉ xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 561470 bao gồm: Nhà bảo vệ, Nhà điều hành, Nhà xưởng, Nhà để xe, Nhà ăn, Trạm bơm, Kho phụ trợ.

- (ii) Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 162.2016/HDHM - PN/SHB.112500 ngày 14 tháng 11 năm 2016. Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động kinh doanh thép không gỉ/inox/thép đen (thanh toán tiền mua hàng). Thời hạn của hạn mức tín dụng 12 tháng (từ ngày 14/11/2017 đến ngày 14/11/2018). Thời hạn vay của mỗi khoản vay thuộc hạn mức tín dụng được quy định cụ thể tại các Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 04 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ được lập cho mỗi lần rút vốn vay theo hạn mức tín dụng và lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại từng Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Bất động sản tại Lô 9 - B2.7, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng và thửa đất số 134, tờ bản đồ số 121 và hạng mục công trình khách sạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 942539, số vào sổ cấp GCN: CT 27177 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/11/2015 cho Công ty TNHH Pơ Mu.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Giảm do chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	124.695.776.138	317.549.896.610	(309.418.846.352)	(181.931.073)	132.826.826.386
Vay ngắn hạn tổ chức khác		129.971.400	(129.971.400)		
Vay ngắn hạn các cá nhân		29.309.928.642	(29.309.928.642)		
Cộng	<u>124.695.776.138</u>	<u>248.006.129.183</u>	<u>(256.899.255.822)</u>	<u>(491.683.459)</u>	<u>132.826.826.386</u>

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm nay	255.000.000.000	47.159.359.146	302.159.359.146
Lợi nhuận trong kỳ này		19.129.724.777	19.129.724.777
Số dư cuối kỳ này	<u>255.000.000.000</u>	<u>66.289.083.932</u>	<u>321.289.083.932</u>

18b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	25.500.000	25.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.500.000	25.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.500.000	25.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.500.000	25.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	334.046.594.589	202.724.470.309
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.785.477.524	1.407.487.384
Cộng	<u>335.832.072.113</u>	<u>204.210.164.257</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	318.767.991.084	197.822.263.340
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.650.279.779	2.553.859.673
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán		
Cộng	<u>628.534.630.277</u>	<u>200.376.123.013</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	435.542	1.856.056
Lãi tiền cho vay và hợp tác kinh doanh	1.842.379.091	
Lãi chuyển nhượng vốn đầu tư vào công ty TNHH Pơ Mu		
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Cộng	<u>1.842.814.633</u>	<u>1.856.056</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	2.517.968.132	3.498.688.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	118.545.450	
Cộng	<u>2.636.513.582</u>	<u>3.498.688.019</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	195.794.722	150.951.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.510.568	122.510.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.592.052	241.931.827
Cộng	<u>195.794.722</u>	<u>515.394.308</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	427.734.072	406.729.552
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.296.910	31.140.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	282.313.305	291.231.645
Thuế, phí và lệ phí	25.263.818	18.463.818
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.280.644	199.845.877
Các chi phí khác	597.268.912	672.034.114
Cộng	<u>1.445.893.843</u>	<u>1.619.445.208</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		
Linh kiện được khuyến mại		
Xử lý công nợ		
Thu nhập khác		
Cộng		<u>102.004.180</u>

9. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		
Lãi chậm nộp		
Thuế bị phạt, bị truy thu	8.114.558	
Tiền đền bù hàng bị lỗi		
Khấu hao các TSCĐ không sử dụng		
Chi phí khác	79.435.605	79.435.605
Cộng	<u>87.550.163</u>	<u>563.129.378</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.615.049.794	2.122.942.170
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.615.049.794	2.122.942.170
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	25.500.000	25.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	573	83

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	259.132.256	569.144.219
Chi phí nhân công	516.058.998	2.025.886.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.187.912.945	3.185.007.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.121.709	2.079.582.108
Chi phí khác	259.132.256	733.928.025
Cộng	3.150.225.908	8.593.547.563

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

2. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đào Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Nga
Kế toán trưởng

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Trần Hữu Chung
Tổng Giám đốc